

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25/7/2019

“V/v ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Lương.

2. Ông Trương Thanh Nhân.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Huỳnh Sa Rên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 225/2019/TLST-HNGĐ, ngày 27/6/2019 về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 7 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Thạch Thị T, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp NA, xã B, huyện C, tỉnh T. Có mặt.

Bị đơn: Anh Sơn H, sinh năm 1976. Nơi ĐKKTT: ấp NA, xã B, huyện C, tỉnh T. Tạm trú: ấp NB, xã B, huyện C, tỉnh T. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa chị Thạch Thị T là nguyên đơn trình bày: chị và anh Sơn H quen biết nhau và được sự đồng ý của gia đình hai bên cho chị với anh H tiến tới hôn nhân tổ chức lễ cưới vào ngày 10/4/2001, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Phú, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh vào ngày 13/9/2007. Lúc cưới không cho nữ trang.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 11/2013 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Sơn H thường xuyên đi nhậu về nhà thì kiếm chuyện đánh đập vợ con, chị có báo công an và chính quyền địa phương giải quyết nhiều lần, có mời anh H đi giáo dục nhưng anh H không sửa đổi bản tính.

Chị cảm thấy không sống chung với anh H được nữa nên đến khoảng tháng 6/2014 chị bỏ nhà đi làm ở Cần Thơ và vợ chồng đã ly thân từ thời gian đó cho đến nay không hàn gắn được.

Quá trình chung sống vợ sinh được 05 người con tên Sơn H1, sinh ngày 15/02/2002; Sơn Thị Mỹ N, sinh ngày 08/3/2003; Sơn Đ, sinh ngày 29/3/2008; Sơn Thị H2, sinh ngày 12/12/2011 và Sơn Thị N.Y, sinh ngày 26/6/2013. Hiện các cháu H1, N, Đ và N.Y đang sống chung với chị, còn cháu H2 đang sống với anh H.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có.

Nay về hôn nhân, chị yêu cầu được ly hôn với anh Sơn H.

- Về con chung: chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N.Y và không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Đối với các con H1, N, Đ và H2 chị yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của các con, sống với cha hoặc mẹ. Nếu các con sống với chị thì chị nuôi dưỡng và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; nếu các con sống với anh H thì chị cũng đồng ý theo nguyện vọng của các con và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi đứa con mỗi tháng 500.000 đồng và cấp cho đến khi các con tròn 18 tuổi nếu anh H có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Sơn H là bị đơn trình bày: anh với chị T xác lập hôn nhân vào ngày tháng năm nào thì anh không nhớ, chỉ nhớ hơn mười mấy năm nay, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Phú, huyện Càng Long. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 10 năm, nhưng khoảng 06 năm trở lại đây thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau, có lúc đánh nhau, chị T không sống chung với anh nữa và vợ chồng đã ly thân nhau khoảng 05 năm nay.

Quá trình chung sống vợ chồng sinh được 05 người con chung tên Sơn H1, sinh ngày 15/02/2002; Sơn Thị Mỹ N, sinh ngày 08/3/2003; Sơn Đ, sinh ngày 29/3/2008; Sơn Thị H2, sinh ngày 12/12/2011 và Sơn Thị N.Y, sinh ngày 26/6/2013. Hiện cháu H2 đang sống với anh, còn 04 đứa con lại đang sống với chị T.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Nay về hôn nhân, anh đồng ý ly hôn với chị Thạch Thị T.

- Về con chung: đối với các con tên Sơn H1, Sơn Thị Mỹ N, Sơn Đ và Sơn Thị H2 thì theo nguyện vọng của các con muốn sống với cha hoặc mẹ đều được. Hiện tại 04 đứa con gồm Sơn H1, Sơn Thị Mỹ N, Sơn Đ và Sơn Thị N.Y đang sống với chị T thì anh cũng đồng ý cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, còn con tên Sơn Thị H2 đang sống với anh thì anh nuôi dưỡng, không đặt ra cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các em Sơn H1, Sơn Thị Mỹ N và Sơn Đ trình bày: các em là con của bà Thạch Thị T và ông Sơn H. Việc ly hôn của cha mẹ các em không có ý kiến gì. Trường

hợp cha mẹ ly hôn, các em có nguyện vọng được sống với mẹ là bà Thạch Thị T.

Theo em Sơn Thị H2 trình bày: em là con của bà Thạch Thị T và ông Sơn H. Trường hợp cha mẹ ly hôn, các em có nguyện vọng được sống với cha là ông Sơn H.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu về hôn nhân, về con chung và không có cung cấp chứng cứ mới. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh kết luận về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Về vấn đề thu thập chứng cứ, tiếp hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu cũng như việc gửi, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng theo quy định của bộ Luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điều 35, điều 39, điều 147, điều 227 và điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị T.

- *Về hôn nhân:* chị Thạch Thị T và anh Sơn H được ly hôn.

- *Về con chung:*

Giao cho chị Thạch Thị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung tên Sơn H1, sinh ngày 15/02/2002; Sơn Thị Mỹ N, sinh ngày 08/3/2003; Sơn Đ, sinh ngày 29/3/2008 và Sơn Thị N.Y, sinh ngày 26/6/2013.

Giao cho anh Sơn H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Sơn Thị H2, sinh ngày 12/12/2011.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản;

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* hai bên chưa đặt ra yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- *Về án phí:* Buộc chị Thạch Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Sơn H là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227; 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo luật định.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: chị Thạch Thị T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Càng Long giải quyết vụ việc hôn nhân. Theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị T và anh Sơn H xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2001. Hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Phú, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh vào ngày 13/9/2007 nên hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp.

Quá trình chung sống hai bên đã xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng được chị T thừa nhận tại đơn khởi kiện, các bản khai và tại phiên tòa hôm nay, anh H cũng thừa nhận cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng xảy ra bất đồng quan điểm sống, thường hay cự cãi nhau, mâu thuẫn kéo dài cho đến nay không khắc phục được. Từ đó hai người đã cắt đứt quan hệ vợ chồng mỗi người sống một nơi khoảng 5 năm nay.

Xét thấy, Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Đối với hôn nhân giữa chị T và anh H đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đến nay hai người đã cắt đứt quan hệ vợ chồng mỗi người sống một nơi, không còn sống chung với nhau nữa, không còn quan tâm chăm sóc, lẫn nhau. Tại phiên tòa hôm nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa. Từ đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã căng thẳng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ và làm đơn xin ly hôn với anh H, anh H cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa chị T và anh H là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ phù hợp Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: nguyên vọng của em Sơn H1, sinh ngày 15/02/2002; Sơn Thị Mỹ N, sinh ngày 08/3/2003; Sơn Đ, sinh ngày 29/3/2008 là được sống chung với chị Thạch Thị T; em Sơn Thị H2, sinh ngày 12/12/2011, có nguyên vọng được sống chung với anh H. Chị T và anh H cũng đồng ý nguyên vọng của các con. Đối với con tên Sơn Thị N.Y, sinh ngày 26/6/2013, chị T và anh H tự nguyện thỏa thuận để cho chị T được chăm sóc, nuôi dưỡng con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cũng cần phải xem xét về mọi mặt và quyền lợi của các con chưa thành niên. Xét thấy từ khi

chị T và anh H ly thân cho đến nay, các em H1, N, Đ và N.Y sống với chị T và em H2 sống với anh H. Chị T và anh H chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, đảm bảo quyền lợi của các con về mọi mặt trong cuộc sống, từ đó nghĩ nên chấp nhận theo sự thỏa thuận của chị T và anh H và theo nguyện vọng của các em H1, N, Đ và H2 nên công nhận cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con tên Sơn H1, sinh ngày 15/02/2002; Sơn Thị Mỹ N, sinh ngày 08/3/2003; Sơn Đ, sinh ngày 29/3/2008; Sơn Thị N.Y, sinh ngày 26/6/2013 và công nhận cho anh H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Sơn Thị H2, sinh ngày 12/12/2011.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: chị T và anh H chưa đưa ra yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về nợ chung: không có. Không đặt ra nên không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: buộc chị Thạch Thị T có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định của pháp luật. Anh Sơn H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 19, 51, 53, 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 01 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị T.

[1] Về hôn nhân: Cho chị Thạch Thị T được ly hôn với anh Sơn H.

[2] Về con chung:

Công nhận cho chị Thạch Thị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung tên Sơn H1, sinh ngày 15/02/2002; Sơn Thị Mỹ N, sinh ngày 08/3/2003; Sơn Đ, sinh ngày 29/3/2008 và Sơn Thị N.Y, sinh ngày 26/6/2013.

Công nhận cho anh Sơn H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Sơn Thị H2, sinh ngày 12/12/2011.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: chị T và anh H chưa đặt ra yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: hai bên không đặt ra yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung phải thu, phải trả: hai bên thừa nhận không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Thạch Thị T có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: AA/2018/0003722, ngày 25/6/2019 do chị Thi nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu. Chị T đã nộp đủ tiền án phí, không phải nộp tiếp.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Sơn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Càng Long;
- UBND xã Bình Phú;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Nhung